

TRẢI NGHIỆM BẤT LỢI THỜI THƠ ẤU VÀ SỰ THẤU CẢM Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Chữ Ngọc Diệp¹, Phạm Nam Anh² và Bùi Thị Thu Huyền^{3*}

¹K70B - Khoa Tâm lý - Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

²K70A - Khoa Tâm lý - Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³Khoa Tâm lý - Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Nghiên cứu này được thực hiện trên 1070 học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội nhằm tìm hiểu thực trạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu, sự thấu cảm và mối quan hệ giữa trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và thấu cảm ở các em. Đồng thời, nghiên cứu cũng đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu học như: giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp của cha, mẹ, học vấn cao nhất của cha/mẹ, khu vực sinh sống đến mức độ thấu cảm và mức độ trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu của học sinh. Thông qua việc sử dụng thang đo thấu cảm cơ bản (The Basic Empathy Scale) (BES) và bảng câu hỏi quốc tế về trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu (Adverse childhood experiences International Questionnaire) (ACE-IQ) kết quả cho thấy nhìn chung học sinh có trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu ở mức thấp. Các dạng trải nghiệm bất lợi phổ biến nhất là bỏ bê cảm xúc, chứng kiến bạo lực gia đình, cha mẹ ly thân/ly dị/quá đời, trong đó trải nghiệm thuộc nhóm bỏ bê chiếm tỉ lệ cao nhất trong 4 nhóm trải nghiệm bất lợi; hầu hết các trải nghiệm bất lợi đều bắt nguồn từ trong gia đình. Các yếu tố nhân khẩu học có ảnh hưởng đến mức độ trải nghiệm một số loại trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu nhất định. Học sinh trung học phổ thông thể hiện sự thấu cảm ở mức độ trung bình, trong đó học sinh nữ có mức độ thấu cảm cao hơn học sinh nam. Tồn tại mối tương quan thuận giữa sự thấu cảm tổng thể, thấu cảm nhận thức với số lượng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu ở học sinh trung học phổ thông. Những hạn chế và lí giải kết quả nghiên cứu cũng được bàn luận trong bài báo này.

Từ khóa: Trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu, sự thấu cảm, học sinh trung học phổ thông.

1. Mở đầu

Trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu được hiểu là những sự kiện có thể gây ra sang chấn xảy ra trước khi cá nhân 18 tuổi. Những trải nghiệm này có thể ảnh hưởng tới sức khỏe, cơ hội và sự ổn định trong suốt cuộc đời một cá nhân và thậm chí có thể ảnh hưởng đến thế hệ tương lai (Theo Cơ quan lập pháp tiểu bang Mỹ, 2020). Theo cách hiểu này, trải nghiệm bất lợi được dùng để chỉ về những sự kiện có tính sang chấn - là sự kiện nằm ngoài phạm vi trải nghiệm thông thường của con người và gây ra sự đau buồn rõ rệt, sợ hãi hoặc những cảm giác tiêu cực khác có ảnh hưởng tiêu cực lâu dài đến thái độ, hành vi và các khía cạnh khác của cuộc sống cá nhân. Sự kiện sang chấn thường do con người, nhưng cũng có thể do tự nhiên như thiên tai gây ra (Theo từ điển của Hiệp hội Tâm lý học Mỹ - American Psychology Association). Có nhiều cách hiểu khác nhau về sự kiện có tính sang chấn (traumatic events), tuy nhiên các cách hiểu về

Ngày nhận bài: 2/12/2021. Ngày sửa bài: 29/12/2021. Ngày nhận đăng: 7/1/2022.

Tác giả liên hệ: Bùi Thị Thu Huyền. Địa chỉ e-mail: huyenbuihu2004@gmail.com

khái niệm này đều thống nhất ở hai điểm: thứ nhất là tính nghiêm trọng của sự kiện, ảnh hưởng tới thể chất, tinh thần và thậm chí là tính mạng ở cá nhân; thứ hai là cảm xúc tiêu cực của cá nhân hình thành thông qua việc trải nghiệm, chứng kiến hoặc đối diện với một hoặc những sự kiện đó.

Theo tổ chức Y tế thế giới (WHO) những trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu gồm có 13 loại khác nhau và có thể gộp thành bốn nhóm chính bao gồm: (1) những trải nghiệm bất lợi liên quan đến bỏ bê bởi cha mẹ/người giám hộ như bỏ bê thể chất, bỏ bê cảm xúc; (2) những trải nghiệm bất lợi liên quan đến rối loạn chức năng gia đình gia đình như: rượu hoặc lạm dụng chất trong gia đình, có thành viên trong gia đình bị tống giam, có thành viên trong gia đình có vấn đề về sức khỏe tâm thần hoặc tự tử, chứng kiến bạo lực bạo lực gia đình, cha mẹ ly thân/ly dị/quá đời; (3) những trải nghiệm bất lợi liên quan đến bạo lực như bị bắt nạt, chứng kiến bạo lực cộng đồng, bạo lực tập thể; (4) những trải nghiệm bất lợi liên quan đến lạm dụng như lạm dụng thể chất, lạm dụng cảm xúc, lạm dụng tình dục.

Trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu tuy là một khái niệm khá mới nhưng lại thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới. Trong đó, trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu được đánh giá là có mối quan hệ chặt chẽ với những vấn đề sức khỏe thể chất như béo phì (Dube, 2004), chứng đau nửa đầu (Tietjen, 2012), mất ngủ (Couillard, 2007), tử vong sớm (Dowda, 2009), hay các hệ quả tiêu cực liên quan đến sức khỏe tâm thần điển hình là lo lắng (McLaughlin, 2010), trầm cảm (Hyde, 2010), và rối loạn tâm thần (Benedetti, 2011). Có thể nói những trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu có thể xảy ra với bất kỳ ai, ở bất cứ quốc gia nào. Những hệ quả của trải nghiệm thời thơ ấu có thể kéo dài trong suốt cuộc đời và có thể ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh phát triển của cá nhân, trong đó có sự thấu cảm.

Thấu cảm (empathy) là một trong năm năng lực cảm xúc xã hội cấu thành nên trí tuệ cảm xúc, bao gồm: tự nhận thức bản thân, tự điều chỉnh bản thân, động cơ, thấu cảm và các kĩ năng xã hội (Goleman, 1996). Dưới góc độ tâm lí học, thấu cảm được hiểu đa chiều, hoặc là kết quả của sự ảnh hưởng cảm xúc hoặc là kết quả của sự nhận thức cảm xúc. Theo Hiệp hội Tâm lí học Mỹ (APA), thấu cảm là việc hiểu một người từ hệ quy chiếu của họ chứ không phải của bản thân hoặc trải nghiệm trực tiếp cảm xúc, nhận thức và suy nghĩ của người đó. Tuy nhiên phần lớn các tác giả tiếp cận sự thấu cảm vừa là một năng lực nhận thức, vừa là năng lực cảm xúc. Chẳng hạn, Cohen và Strayer (1996) đã định nghĩa thấu cảm là sự thấu hiểu và chia sẻ trong trạng thái hoặc bối cảnh cảm xúc của người khác. Quan điểm này cho phép kết hợp hai mặt trong cấu trúc thấu cảm gồm thấu cảm cảm xúc (affective empathy) và thấu cảm nhận thức (cognitive empathy). Sự kết hợp này cũng được nhiều nhà khoa học khác đồng tình (Jolliffe và Farrington, 2006; Marshall, 1995; Hoffman, 1987).

Giai đoạn vị thành niên nói chung và giai đoạn học sinh trung học phổ thông nói riêng là giai đoạn có sự thay đổi lớn về vị thế của học sinh trong các mối quan hệ xã hội. Đầu giai đoạn thanh niên nhu cầu tình bạn đi vào chiều sâu hơn (Dương Diệu Hoa, 2008). Các em không chỉ tìm kiếm bạn bè chỉ vì chung sở thích, thói quen mà các em quan tâm nhiều đến sự hòa hợp về tâm hồn, có sự đồng điệu trong tâm tình, sự thân mật, tình cảm ấm áp và cùng chí hướng phấn đấu vì giá trị nào đó. Vì lẽ đó thấu cảm ở học sinh trung học phổ thông đóng vai trò trung gian làm nâng cao chất lượng của các mối quan hệ xung quanh các em. Nhiều nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng học sinh có mức độ thấu cảm cao thường có khả năng điều chỉnh cảm xúc của mình tốt hơn, ít thể hiện sự hung hăng và gia tăng các hành vi ủng hộ xã hội (Mehrabian và Epstein, 1972; Eisenberg, 2000; Meuwese và cộng sự, 2015). Cụ thể hơn, sự thấu cảm cảm xúc cao dự đoán cách giải quyết xung đột mang tính xây dựng khi gặp vấn đề với bạn bè (De Wied và cộng sự, 2007). Cùng quan điểm, sự thấu cảm nhận thức của cá nhân dự đoán mối quan hệ bạn bè có chất lượng cao hơn liên quan đến sự ổn định và tương hỗ lẫn nhau (Chakrabarti và Baron-Cohen, 2006; Soenens và cộng sự, 2007). Có thể nói sự thấu cảm quyết định mức độ hiệu

quả của tất cả các kỹ năng xã hội khác mà con người có được. Thấu cảm cho phép chúng ta kết nối với bạn bè và các thành viên trong gia đình ở mức độ sâu sắc hơn bằng cách thể hiện lòng trắc ẩn, tương tác phù hợp và hiểu các quan điểm khác nhau. Nếu không có sự thấu cảm, thanh thiếu niên sẽ lớn lên thành những người lớn không có khả năng hình thành mối quan hệ lâu dài và hạn chế trong việc xây dựng các mối quan hệ thân thiện và nhân ái với những người xung quanh.

Mặc dù có đã những nghiên cứu về mối quan hệ giữa trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và sự thấu cảm ở thanh thiếu niên ở nhiều nước trên thế giới như Mỹ (Greenberg, 2018; Locher, 2014; Narvey, 2021;), ở Nam Phi (Straker và Jacobson, 1981). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ đa chiều giữa sự thấu cảm và những trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu. Tuy nhiên nghiên cứu về chủ đề này còn khá khiêm tốn ở học sinh Việt Nam. Vì thế trong nghiên cứu này của chúng tôi tập trung tìm hiểu thực trạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu, sự thấu cảm và mối quan hệ giữa trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và sự thấu cảm ở học sinh trung học phổ thông. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm hiểu sự ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu học như: giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp của cha mẹ, học vấn cao nhất của cha mẹ, vùng sinh sống đến sự thấu cảm và những trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu ở học sinh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 1070 học sinh thuộc ba khối lớp 10, 11, 12 ở hai trường công lập thuộc ngoại thành và nội thành Hà Nội. Đặc điểm mẫu nghiên cứu được thể hiện ở bảng 1 cho thấy số lượng học sinh nữ tham gia nghiên cứu chiếm tỉ lệ nhiều hơn học sinh nam (58.7% và 41.3%); học sinh sống ở nội thành cao hơn số học sinh sống tại nội thành Hà Nội (59.7% và 40.3%). Học sinh lớp 11 chiếm tỉ lệ cao nhất trong mẫu nghiên cứu (37.4%), tiếp đến là học sinh khối 12 (33.9%) và cuối cùng là học sinh khối 10 chiếm tỉ lệ thấp nhất (28.7%).

Bảng 1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Tổng (N=1070)	Giới tính		Địa bàn		Khối lớp		
	Nam	Nữ	Ngoại thành Hà Nội	Nội thành Hà Nội	10	11	12
Số lượng	461	609	431	639	307	400	363
Tỉ lệ	41,3%	58,7%	40.3%	59.7%	28,7%	37.4%	33,9%

2.2. Công cụ nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng hai công cụ nghiên cứu là thang đo thấu cảm cơ bản (The Basic Empathy Scale) (BES) của Jolliffe và Farrington (2006) nhằm đo lường mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm thành phần ở học sinh trung học phổ thông và bảng câu hỏi quốc tế về trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu (Adverse childhood experiences International Questionnaire) (ACE-IQ) của WHO (2020) nhằm đo lường số lượng và mức độ trải nghiệm bất lợi ở các em.

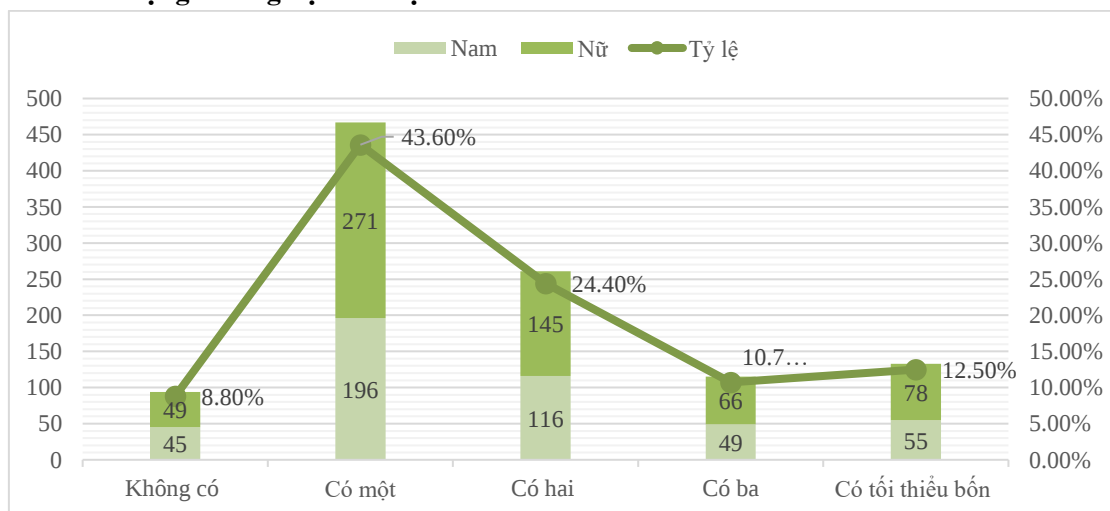
Thang đo thấu cảm cơ bản (BES) gồm 20 mệnh đề (item), trong đó có 11 item đo lường thấu cảm nhận thức và 09 item đo lường thấu cảm cảm xúc. Sự thấu cảm được đo lường dựa trên thang đo Likert gồm 5 mức độ từ “Hoàn toàn không đồng ý” (1 điểm) cho đến “Hoàn toàn đồng ý” (5 điểm). Theo hướng dẫn của Jolliffe và Farrington (2006), tổng điểm của thang đo sẽ cho biết mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm cảm xúc hoặc thấu cảm nhận thức của cá nhân. Tổng điểm toàn thang càng cao thì mức độ thấu cảm học sinh càng lớn. Thang đo BES được sử dụng trên mẫu khách thể học sinh Việt Nam với sự đồng ý của tác giả Jolliffe và Farrington

trong nghiên cứu của Bùi Thị Thu Huyền (2021). Trong nghiên cứu này, độ tin cậy Alpha của Cronbach ở mức 0.83 - mức tin cậy tốt.

Bảng hỏi quốc tế về trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu (ACE - IQ). Bảng hỏi gồm 26 items, người điền phiếu được yêu cầu điền những phương án “Có” hoặc “Không” hoặc tự báo cáo về tần suất các trải nghiệm của mình từ “Không bao giờ” (1 điểm); “Một lần” (2 điểm); “Vài lần” (3 điểm) cho đến “Nhiều lần” (4 điểm) hoặc đánh giá các nhận định theo thang Likert từ “Không bao giờ” (1 điểm) đến “Luôn luôn” (5 điểm). 26 item được sử dụng để đo lường số lượng và mức độ 13 dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu, song trong nghiên cứu này tiểu thang hay dạng trải nghiệm bất lợi “Bạo lực tập thể” với 4 item tương ứng trong thang đo gốc bị lược bỏ. Do vậy, nghiên cứu này chỉ tập trung đánh giá 12 dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu còn lại theo cấu trúc của WHO, bao gồm: lạm dụng thể chất, lạm dụng cảm xúc, lạm dụng tình dục, rượu hoặc rối loạn sử dụng chất trong gia đình, có thành viên trong gia đình bị tổng giam, thành viên trong gia đình có vấn đề về sức khỏe tâm thần hoặc tự tử, chứng kiến bạo lực gia đình, cha mẹ li thân/li dị/quá đời, bỏ bê cảm xúc, bỏ bê thể chất, bị bắt nạt và chứng kiến bạo lực cộng đồng.

2.3. Thực trạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu của học sinh trung học phổ thông

2.3.1. Các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu



Biểu đồ 1. Tỷ lệ trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu

Học sinh trung học phổ thông đều xác nhận đã từng trải qua tất cả 12 dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu được nghiên cứu. Trung bình học sinh trung học phổ thông trải qua 1.88 (ĐLC=1.52) trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu, trong đó 91.2% học sinh xác nhận đã từng trải qua ít nhất một trải nghiệm tiêu cực thời thơ ấu (biểu đồ 1).

Bảng 2. ĐTB các nhóm trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu của học sinh THPT

	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Lạm dụng	10.90	3.75	8.00	32.00
Rối loạn chức năng gia đình	5.55	1.78	3.00	16.00
Bỏ bê	10.93	2.12	5.00	22.00
Bạo lực	6.64	2.27	4.00	16.00

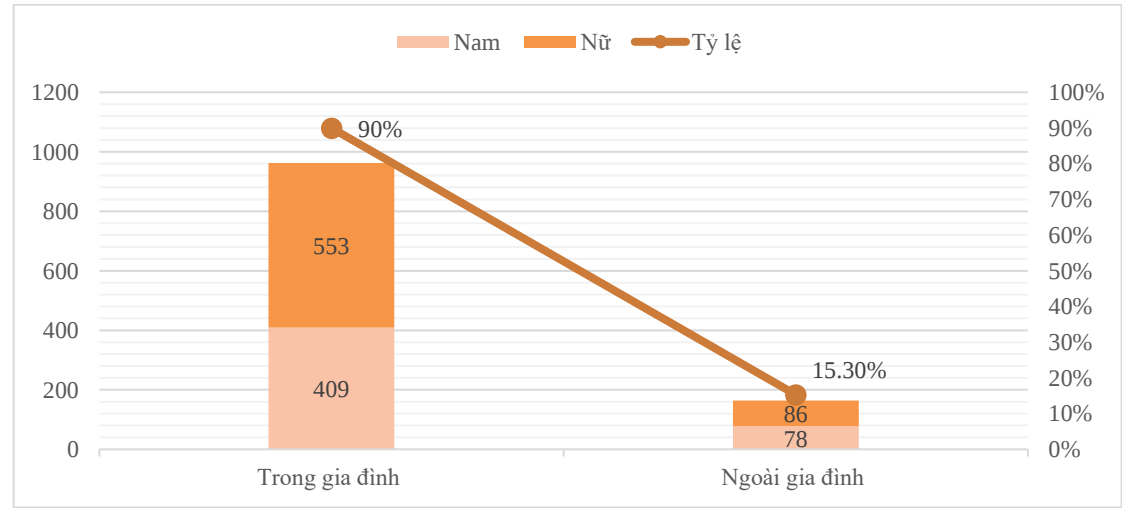
Bảng 2 cho thấy trong 4 nhóm trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu, học sinh trung học phổ thông trong mẫu nghiên cứu có trải nghiệm “bỏ bê” và “lạm dụng” nhiều nhất; nhóm trải nghiệm “rối loạn chức năng gia đình” được học sinh báo cáo ở mức thấp nhất. Giá trị điểm trung bình ở bảng 2 cũng cho thấy các nhóm trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu đều được xác nhận có xảy ra với học sinh, tuy nhiên mức độ trải nghiệm chỉ ở mức trung bình trong tương quan so sánh với giá trị lớn nhất và nhỏ nhất.

Tỉ lệ cụ thể của từng loại trải nghiệm được thể hiện rõ hơn thông qua Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Tỉ lệ % các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu

Các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu	Nam	Nữ	Tổng
1. Lạm dụng thể chất	5.6%	5.6%	5.6%
2. Lạm dụng cảm xúc	10.4%	12.5%	11.6%
3. Lạm dụng tình dục	3.0%	5.4%	4.4%
4. Rượu hoặc rối loạn sử dụng chất trong gia đình	9.1%	6.2%	7.5%
5. Có người thân bị tổng giam	3.3%	2.8%	3.0%
6. Có người thân có vấn đề về sức khỏe tâm thần hoặc có ý định tự tử	2.8%	5.3%	4.2%
7. Chứng kiến bạo lực gia đình	30.2%	34.2%	32.4%
8. Cha mẹ li thân/li dị/li hôn	17.1%	17.2%	17.2%
9. Bỏ bê cảm xúc	65.3%	71.8%	69.0%
10. Bỏ bê thể chất	20.6%	14.1%	16.9%
11. Bị bắt nạt nhiều lần	3.9%	3.6%	3.7%
12. Chứng kiến bạo lực cộng đồng	14.1%	11.7%	12.7%

Có thể thấy từ Bảng 3, dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu chiếm tỉ lệ cao nhất ở học sinh là “bỏ bê cảm xúc” với tỉ lệ là 69%. Dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu có tỉ lệ cao thứ hai và thứ ba là “chứng kiến bạo lực gia đình” và “cha mẹ li thân/li dị/quá đời” với tỉ lệ lần lượt là 32.4 % và 17.2%. Dạng trải nghiệm có mức độ phổ biến thấp nhất là “có người thân bị tổng giam” với tỉ lệ là 3.0%.



Biểu đồ 2. Giới tính và môi trường xảy ra trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu.

Trong 12 dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu ngoại trừ lạm dụng tình dục có thể quy về hai nhóm: các trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu xuất phát từ môi trường gia đình và các trải nghiệm bất lợi ngoài môi trường gia đình. Nhìn vào biểu đồ 2, có thể thấy rằng đại đa số các trải nghiệm bất lợi đều xuất phát từ môi trường gia đình với 90% học sinh báo cáo ít nhất một trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu xuất phát từ môi trường này. Trong khi đó chỉ 15.3% học sinh báo cáo có những trải nghiệm bất lợi ở môi trường ngoài gia đình như bị bắt nạt nhiều lần và chứng kiến bạo lực cộng đồng.

2.3.2. Các yếu tố nhân khẩu học và thực trạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu

Xét theo giới tính: Thông qua kiểm định *t*-test, kết quả cho thấy: học sinh nữ (ĐTB=5.39, ĐLC=2.50) có mức độ “chứng kiến bạo lực gia đình” cao hơn học sinh nam (ĐTB = 5.01, ĐLC=2.36) với $p<0.05$. Học sinh nam có mức độ trải qua “bỏ bê thể chất” ($p<0.01$, ĐTB=4.28 và ĐTB= 3.80) và “chứng kiến bạo lực cộng đồng” ($p<0.01$, ĐTB=5.30 và ĐTB=4.90) cao hơn học sinh nữ. Ngoài ra, thông qua kiểm định Chi-bình phương, học sinh nữ cũng ghi nhận việc có thành viên trong gia đình có vấn đề về sức khỏe tâm thần hoặc tự tử cao hơn học sinh nam (tỉ lệ lần lượt là 5.3% và 2.8%).

Xét theo nghề nghiệp của cha: Nghề nghiệp của cha cũng có sức ảnh hưởng đến mức độ trải nghiệm một số trải nghiệm bất lợi đơn lẻ. Thông qua kiểm định ANOVA và post hoc, kết quả cho thấy: học sinh có cha làm việc trong nhóm nghề tự do có mức độ chứng kiến “bạo lực gia đình” ($p<0.01$, ĐTB= 5.54 và ĐTB=4.99) và “bỏ bê cảm xúc” ($p<0.01$, ĐTB=7.01 và ĐTB=6.68) cao hơn học sinh có cha thuộc nhóm nghề trí thức. Học sinh có cha đã nghỉ hưu (ĐTB=4.52, ĐLC=1.87) có mức độ chứng kiến “bạo lực cộng đồng” thấp hơn học sinh có cha thuộc nhóm nghề tự do (ĐTB=5.17, ĐLC=1.84) và học sinh có cha thuộc nhóm nghề trí thức (ĐTB=5.01, ĐLC=2.05) với $p<0.05$.

Xét theo học vấn cao nhất của cha/mẹ: Học sinh có cha/mẹ với học vấn cao nhất là trung học phổ thông có mức độ trải qua “bỏ bê cảm xúc” cao hơn học sinh có cha mẹ với học vấn cao nhất là cao đẳng/đại học ($p<0.01$, ĐTB= 7.01 và ĐTB=6.74).

Xét theo địa bàn: Thông qua kiểm định *t*-test, kết quả cho thấy: học sinh ở ngoại thành Hà Nội có xu hướng dễ chứng kiến “bạo lực cộng đồng” cao hơn học sinh ở nội thành Hà Nội ($p<0.05$, ĐTB=5.23 và ĐTB=4.96).

2.3.3. Mối quan hệ giữa các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu

12 dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu bao gồm: lạm dụng thể chất, lạm dụng cảm xúc, lạm dụng tình dục, chứng kiến bạo lực gia đình, bỏ bê cảm xúc, bỏ bê thể chất, bị bắt nạt và chứng kiến bạo lực cộng đồng, có thể chia thành 4 nhóm, cụ thể: Nhóm trải nghiệm liên quan đến **lạm dụng** (lạm dụng thể chất, lạm dụng cảm xúc, lạm dụng tình dục); Nhóm trải nghiệm liên quan đến việc bị **bỏ bê bởi cha mẹ/người giám hộ** (bỏ bê cảm xúc, bỏ bê thể chất); Nhóm trải nghiệm liên quan đến **rối loạn chức năng gia đình** (chứng kiến bạo lực gia đình); Nhóm trải nghiệm liên quan đến **bạo lực** (bị bắt nạt, chứng kiến bạo lực cộng đồng).

Bảng 4. Tương quan Pearson giữa các nhóm trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu

	Lạm dụng	Rối loạn chức năng gia đình	Bỏ bê bởi cha mẹ/người giám hộ	Bạo lực
Lạm dụng	1	-	-	-
Rối loạn chức năng gia đình	0.70**	1	-	-
Bỏ bê bởi cha mẹ/người giám hộ	0.32**	0.27**	1	-
Bạo lực	0.42**	0.38**	0.14**	1

Từ Bảng 4 có thể thấy rằng nhìn chung các nhóm trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu có mối tương quan thuận với nhau, đặc biệt là mối tương quan thuận chặt chẽ giữa “lạm dụng” và “rối

loạn chức năng gia đình” ($r=0.70$); cũng như mối tương quan thuận chặt giữa “lạm dụng” và “bạo lực”. Các nhóm trải nghiệm bất lợi còn lại cũng có mối tương quan thuận ở các mức độ khác nhau, từ yếu cho đến trung bình (r biến thiên từ 0.14 đến 0.42).

2.4. Thực trạng thấu cảm của học sinh trung học phổ thông

Học sinh trung học phổ thông có sự thấu cảm ở mức độ trung bình khá với điểm trung bình của toàn thang thấu cảm ĐTB = 46.81 (ĐLC = 7.07) (giá trị nhỏ nhất=13, giá trị lớn nhất=65). Điều này cũng thể hiện tương tự ở điểm trung bình của hai tiểu thang thấu cảm cảm xúc (ĐTB= 21.08; ĐLC= 4.01) và tiểu thang thấu cảm nhận thức (ĐTB=25.73; ĐLC = 4.14). Qua kết quả trên cho thấy học sinh trong mẫu nghiên cứu có mức độ thấu cảm nhận thức cao hơn thấu cảm cảm xúc.

Xét theo giới tính: Trong các yếu tố nhân khẩu học, giới tính là yếu tố thể hiện sự khác biệt rõ rệt nhất ở thấu cảm tổng thể và hai thành phần và thấu cảm cảm xúc và thấu cảm nhận thức. Kết quả kiểm định t -test cho thấy $p<0.01$, trong đó học sinh nữ (ĐTB= 48.01, ĐLC=6.96) ghi nhận điểm trung cao hơn nam học sinh về thấu cảm tổng thể (ĐTB= 45.22, ĐLC=6.92), thấu cảm cảm xúc ($p<0.01$, ĐTB=21.84 và ĐTB=20.08) và thấu cảm nhận thức ($p<0.01$, ĐTB=26.18 và ĐTB=25.14).

Xét theo độ tuổi: Thông qua kiểm định One-way ANOVA, chúng tôi thấy rằng: không có sự khác biệt về mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm thành phần giữa học sinh trung học phổ thông ở các độ tuổi khác nhau. Tuy nhiên học sinh lớp 10 có mức độ thấu cảm tổng thể ($p<0.05$, ĐTB=46.46 và ĐTB=44.17) và thấu cảm cảm xúc cao hơn học sinh lớp 12 ($p<0.01$; ĐTB= 20.84 và ĐTB=19.53).

Xét theo học vấn cao nhất của cha/mẹ: Thông qua kiểm định One-way ANOVA, kết quả cho thấy, không có sự khác biệt về mức độ thấu cảm tổng thể, thấu cảm cảm xúc và thấu cảm nhận thức giữa các nhóm học sinh có học vấn cao nhất của cha mẹ khác nhau (hệ số sig. lần lượt là 0.98, 0.22, 0.49). Tuy nhiên, khi so sánh điểm trung bình về thấu cảm tổng thể và thấu cảm thành phần ở nhóm mẫu nam và nữ độc lập, một vài kết quả chỉ ra có sự khác biệt về thấu cảm nhận thức ở các nhóm mẫu khác nhau. Học sinh nam có cha/mẹ với học vấn cao nhất là cao học có mức độ thấu cảm nhận thức cao hơn học sinh nam có học vấn cao nhất của cha mẹ là cao đẳng/ đại học và trung học phổ thông ($p<0.05$, ĐTB lần lượt là 47.27, 44.61 và 45.44). Học sinh nữ có cha mẹ với học vấn cao nhất là cao đẳng/đại học có mức độ thấu cảm nhận thức cao hơn học sinh nữ có cha mẹ với học vấn cao nhất là trung học cơ sở ($p<0.05$, ĐTB= 26.67 và ĐTB=25.80).

2.5. Mối quan hệ giữa trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và thấu cảm ở học sinh trung học phổ thông

Thông qua kiểm định tương quan Pearson kết quả cho thấy: tồn tại tương quan thuận ở mức yếu giữa số lượng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu đối với mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm nhận thức, thấu cảm cảm xúc ở học sinh trung học phổ thông ($p<0.05$) với r lần lượt là 0.06, 0.07 và 0.06.

Để tìm hiểu sự khác biệt về mức độ thấu cảm giữa nhóm học sinh đã trải qua ít nhất một dạng trải nghiệm bất lợi và nhóm học sinh chưa từng trải qua bất cứ dạng trải nghiệm bất lợi nào, chúng tôi tiến hành kiểm định t -test. Kết quả cho thấy nhóm học sinh đã trải nghiệm ít nhất một dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu có mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm thành phần cao hơn học sinh chưa từng trải qua bất kỳ dạng trải nghiệm bất lợi nào. Điều này thể hiện ở thấu cảm tổng thể ($p<0.01$, ĐTB=47.00 và ĐTB = 44.93), thấu cảm cảm xúc ($p<0.05$, ĐTB = 21.16 và ĐTB = 20.30) và thấu cảm nhận thức ($p<0.05$, ĐTB=25.84 và ĐTB = 24.63). Tuy nhiên sự khác biệt này không diễn ra ở học sinh nam mà chỉ tồn tại ở học sinh nữ ở tổng thang đo thấu cảm và tiểu thang thấu cảm nhận thức với hệ số sig.(2-tailed) đều nhỏ hơn 0.05.

Đi sâu tìm hiểu mối tương quan giữa các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và thấu cảm, chúng tôi tiến hành kiểm định tương quan Pearson. Kết quả cho thấy: Nhìn chung, tồn tại mối tương quan khác nhau giữa mức độ trải nghiệm một số dạng trải bất lợi thời thơ ấu nhất định với thấu cảm, nhưng chủ yếu ở mức yếu. Trong đó tồn tại tương quan thuận ở mức yếu giữa lạm dụng thể chất, lạm dụng cảm xúc, chứng kiến bạo lực gia đình, bị bắt nạt với thấu cảm tổng thể (r biến thiên từ 0.02 đến 0.08). Có mối tương quan nghịch ở mức rất yếu giữa lạm dụng tình dục, bỏ bê cảm xúc, bỏ bê thể chất và chứng kiến bạo lực cộng đồng đối với thấu cảm tổng thể (r biến thiên từ -0.01 đến -0.06).

2.6. Bàn luận

Nghiên cứu này đóng góp thêm vào bức tranh thực trạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu ở Việt Nam. Trong đó, 91.2% học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội xác nhận đã trải qua ít nhất một dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu. Tỷ lệ trong nghiên cứu này cao hơn các tỷ lệ ở các nghiên cứu khác tại Việt Nam cũng như trên thế giới về vấn đề này trên các mẫu không có vấn đề về bệnh lý. Điển hình như so sánh với tỷ lệ 76.2% trong nghiên cứu được thực hiện sinh viên y khoa thuộc 8 tỉnh thành (Trần, 2015), 86.5% trong nghiên cứu tại các tỉnh phía Nam (Thái, 2020), 75% ở nghiên cứu được thực hiện tại Manila, Philippin (Ramiro, 2010), 72% ở nghiên cứu trên công dân Ả Rập Xê Út (Almuneef, 2014) và 47% ở nghiên cứu trên cư dân Anh Quốc (Bellis, 2014).

Trong khi đó, tỷ lệ học sinh báo cáo đã từng trải qua ít nhất một dạng trải nghiệm bất lợi trong nghiên cứu này tương đồng với tỷ lệ 92% trong nghiên cứu thực hiện trên những bệnh nhân đang điều trị Methadone tại thành phố Hồ Chí Minh (Kim, 2016). Có thể thấy rằng tỷ lệ cá nhân trải qua ít nhất một dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu của nghiên cứu của chúng tôi hay các nghiên cứu khác về vấn đề này tại Việt Nam có xu hướng cao hơn mặt bằng chung của thế giới. Điều này có thể giải thích bởi một số lý do. *Thứ nhất*, nhiều người dân Việt Nam và đặc biệt là cha mẹ vẫn chưa nhận thức được đúng đắn những hành vi nào là tiêu cực, không nên làm trong tương tác với con cái. Theo bà Phạm Thị Thái Hà (2017) - Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội nhận định tình trạng trẻ em bị bỏ rơi, bị lạm dụng, xâm hại... có chiều hướng gia tăng do nhận thức của cha mẹ, gia đình, xã hội đối với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa cao. *Thứ hai*, hệ thống luật pháp, chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em chưa được đồng bộ, đầy đủ. *Thứ ba*, vai trò phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội chưa cao nên ít có tiếng nói của các tổ chức này trong quá trình xây dựng luật pháp, chính sách liên quan tới trẻ em. Vì thế những hành vi của cha mẹ vô tình hoặc cố tình gây tổn thương cho con cái về thể chất và tâm lý có xu hướng cao hơn các nước ở phương Tây.

Bỏ bê cảm xúc là dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu phổ biến nhất với 69% học sinh xác nhận đã từng trải qua dạng trải nghiệm này và bỏ bê cảm xúc cũng là một trong những dạng trải nghiệm bất lợi phổ biến nhất trong các nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam (Thái, 2020; Kim, 2016). Theo chúng tôi, có hai giả định được đưa ra để giải thích cho kết quả này. *Thứ nhất*, mức độ phổ biến của trải nghiệm bỏ bê cảm xúc có thể bắt nguồn từ yếu tố văn hóa. Nhiều cha mẹ ở Việt Nam quan niệm việc quan tâm đến con cái chỉ cần đến từ việc thỏa mãn các nhu cầu về vật chất chứ không bao hàm việc quan tâm đến những tâm tư, tình cảm của con. *Thứ hai*, do khách thể chúng tôi tiến hành khảo sát là cư dân thuộc thành phố Hà Nội, nơi nhịp sống vô cùng căng thẳng và bận rộn, do vậy có thể cha mẹ có thể sẽ không có nhiều thời gian quan tâm đến con cái. Các nghiên cứu ở Việt Nam cũng cho thấy cha mẹ Việt Nam đang ngày càng thiếu thời gian để gần gũi và nói chuyện với con. Điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy, có 21,5% người cha và 6,8% người mẹ (có con dưới 15 tuổi) không có thời gian chăm sóc con cái. Thông tin định tính của điều tra cho thấy nguyên nhân thiếu thời gian chăm sóc con chủ yếu do gánh nặng kiếm sống (Bộ VH-TT-DL và các tổ chức khác, 2008).

Nhìn chung các dạng trải nghiệm bất lợi có nguy cơ song hành với nhau. Đặc biệt, có mối tương quan thuận giữa việc các trải nghiệm liên quan đến bạo lực ngoài gia đình như bị bắt nạt và chứng kiến bạo lực cộng đồng với các hình thức trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu khác xuất hiện trong môi trường gia đình. Kết quả này tương ứng với nhiều nghiên cứu trên thế giới (Duncan, 1999; Lucas và cộng sự, 2016, Fosse và Holen, 2002). Thực trạng này có thể đến từ việc những học sinh gặp những vấn đề tiêu cực trong gia đình ảnh hưởng làm giảm lòng tự trọng, phong cách tương tác bị động và không quyết đoán khi ứng xử với những kẻ bắt nạt. Từ đó khiến các em gia tăng nguy cơ là nạn nhân của việc bị bắt nạt nhiều lần.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng cập thêm số liệu về thực trạng thấu cảm ở học sinh trung học phổ thông. Trong đó, học sinh trung học phổ thông ở Hà Nội thể hiện mức độ thấu cảm nhận thức cao hơn thấu cảm cảm xúc hay nói cách khác các em hiểu được nỗi đau buồn của người khác tốt hơn việc chia sẻ cảm xúc với người khác. Kết quả này trái ngược với kết quả nghiên cứu của Bùi Thị Thu Huyền (2019) với nhận định rằng: học sinh trung học cơ sở có mức độ thấu cảm cảm xúc cao hơn thấu cảm nhận thức. Sự khác biệt trên có thể được giải thích theo hai hướng. *Thứ nhất*, so với học sinh trung học cơ sở học sinh phổ thông đã có nhiều trải nghiệm hơn trong cuộc sống và trong mối quan hệ giao tiếp với những người xung quanh. Chính vì thế các em có thể nhận diện và hiểu được những nỗi buồn, mất mát của người khác tốt hơn song các em lại có xu hướng ít thể hiện tình cảm ra bên ngoài. Trong khi đó học sinh trung học cơ sở đang trong giai đoạn dậy thì nên các em nhạy cảm với những sự kiện, nỗi đau buồn của mọi người xung quanh, cảm xúc dễ thay đổi và dễ động lòng thương cảm với người khác. *Thứ hai*, để lí giải cho mức độ thấu cảm nhận thức cao hơn mức độ thấu cảm cảm xúc ở mẫu nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng: yếu tố nhận thức trong thấu cảm được cho là khả năng hiểu được mọi việc dưới lăng kính chủ quan của người khác hay nói như Rogers (1959) là khả năng hiểu bằng cảm xúc, hiểu chính xác cái thế giới cảm xúc của thân chủ. Ở học sinh trung học phổ thông, sự tự nhận thức của các em phát triển có chiều sâu hơn giai đoạn học sinh trung học cơ sở, các em không nhìn nhận bản thân thiên về sự đánh giá của người khác như giai đoạn trước mà đi sâu vào sự phản tỉnh, làm cho các phẩm chất tâm lí của mình rõ nét hơn. Do vậy, các em cũng có thể hiểu hơn về hoàn cảnh, cảm xúc của người khác dựa trên việc đặt bản thân của mình vào trạng thái của người đối diện.

Trong các nhóm yếu tố nhân khẩu học, giới tính và học vấn cao nhất của cha/mẹ là hai yếu tố tạo nên sự khác biệt rõ rệt về thấu cảm tổng thể và hai yếu tố thành phần (thấu cảm cảm xúc và thấu cảm nhận thức) ở học sinh trung học phổ thông. Trong đó, học sinh nữ có mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm nhận thức, thấu cảm cảm xúc cao hơn học sinh nam. Kết quả này cũng cổ thêm cho các kết quả nghiên cứu trước đây trên mẫu khách thể ở phương Tây cho rằng nữ giới có năng lực thấu cảm cao hơn nam giới (Ruiz và Esteban, 2018; Michalska, 2013; Geng, 2012). Khi đánh giá về các nhóm mẫu nam và nữ riêng biệt ở học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội, các kết quả chỉ ra rằng học vấn càng cao của cha mẹ song hành cùng sự phát triển cao hơn về thấu cảm nhận thức. Có thể giả định rằng, học sinh sống trong gia đình có cha mẹ với học vấn cao sẽ có cơ hội trải nghiệm cuộc sống dưới nhiều môi trường khác nhau, giao thiệp với nhiều kiểu người trong xã hội. Từ đó các em gia tăng khả năng đặt mình vào đa dạng hoàn cảnh của các thành phần xã hội khác nhau, nhờ vậy sự thấu cảm được thể hiện tốt hơn. Tuy nhiên để có thể có kết luận đầy đủ rất cần những nghiên cứu sâu hơn để khẳng định giả thuyết này.

Không có sự khác biệt về mức độ thấu cảm tổng thể và giữa hai thành phần thấu cảm nhận thức và thấu cảm cảm xúc giữa học sinh ở nội và ngoại thành Hà Nội. Kết quả này tương đồng với số liệu trong nghiên cứu của tác giả Bùi Thị Thu Huyền trên nhóm học sinh trung học cơ sở ở Hà Nội được tiến hành vào năm 2019. Như vậy có thể thấy rằng: yếu tố hoàn cảnh - dù ở nội thành hay ngoại thành cũng không ảnh hưởng đến khả năng thấu cảm của học sinh. Bởi lẽ thấu cảm được thể hiện ở khả năng nhận thức và cảm xúc tức là thể hiện sự thương cảm, động lòng trắc ẩn với nỗi đau của người khác do vậy nó chịu ảnh hưởng nhiều của yếu tố cá nhân hơn là ngoại cảnh.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, số lượng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu có tương quan thuận với thấu cảm tổng thể, mối tương quan này chủ yếu đến từ mặt biểu hiện thấu cảm nhận thức và rõ rệt hơn ở học sinh nữ. Tương tự, học sinh nữ trải qua ít nhất một trải nghiệm bất lợi cũng có mức độ thấu cảm tổng thể và thấu cảm nhận thức cao hơn những em chưa từng trải qua bất cứ dạng trải nghiệm bất lợi nào. Từ những kết quả trên có thể thấy rằng đối với học sinh, các trải nghiệm bất lợi thúc đẩy việc cá nhân biết đặt mình vào hoàn cảnh của người khác và hình thành cảm xúc tương ứng với đối tượng tiếp xúc. Một số nghiên cứu tại phương Tây đánh giá về mối quan hệ giữa các trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và sự thấu cảm ở cá nhân chỉ ra rằng: có tương quan nghịch giữa mức độ trải nghiệm các dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu với năng lực thấu cảm của cá nhân (Narvey, 2021; Nawrocki, 2020 Locher, 2014; Straker và Jacobson, 1981). Như vậy, nghiên cứu của chúng tôi có kết quả trái ngược với các nghiên cứu ở trên. Khuynh hướng văn hóa khác biệt giữa chủ nghĩa cá nhân (individualism) và chủ nghĩa tập thể (collectivism) ở các nước phương Tây và các quốc gia châu Á (điển hình như Việt Nam) có thể là yếu tố lí giải cho vấn đề này. Duan và cộng sự (2005) chỉ ra rằng chủ nghĩa tập thể có tương quan thuận với đồng cảm trí tuệ (intellectual empathy) (khả năng hiểu hoặc biết được suy nghĩ hoặc cảm xúc của người khác) (Duan & Kivlighan, 2002) và thấu cảm cảm xúc. Khái niệm về thấu cảm trí tuệ ở trên có nhiều điểm tương đồng với thấu cảm nhận thức trong nghiên cứu của chúng tôi. Như đã nói ở trên, thấu cảm là một năng lực cảm xúc xã hội vô cùng quan trọng trong việc hình thành, duy trì những mối quan hệ xã hội. Ở những quốc gia với xu hướng văn hóa tập thể sâu sắc như Việt Nam, các cá nhân càng dễ có xu hướng sử dụng thấu cảm như là một cách thức để nâng cao hiệu quả giao tiếp với người khác. Những cá nhân đã trải qua các hình thức trải nghiệm bất lợi khác nhau với mục đích tạo ra các tương tác xã hội bền chặt hơn có thể hình thành nên xu hướng phát triển năng lực thấu cảm, đặc biệt là thấu cảm nhận thức.

3. Kết luận

Phần lớn học sinh trải qua một trong 12 dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu và mức độ của những trải nghiệm đó cũng không thường xuyên. Các yếu tố nhân khẩu học tạo nên sự khác biệt về mức độ trải nghiệm một số dạng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu nhất định. Các trải nghiệm bất lợi phổ biến nhất ở học sinh là bỏ bê cảm xúc, chứng kiến bạo lực gia đình và cha mẹ li thân/li dị/li hôn. Các trải nghiệm bất lợi phần lớn xuất phát từ môi trường gia đình với 90% học sinh xác nhận đã trải qua ít nhất một trải nghiệm bất lợi ở trong môi trường này.

Sự thấu cảm của học sinh trung học phổ thông ở mức độ trung bình trong đó học sinh có mức độ thấu cảm nhận thức cao hơn thấu cảm cảm xúc nhưng không quá lớn. Trong các nhóm yếu tố nhân khẩu học, giới tính và học vấn cao nhất của cha mẹ tạo nên sự ảnh hưởng tương đối rõ ràng đến sự thấu cảm của học sinh. Học sinh nữ thể hiện sự thấu cảm cũng như thấu cảm cảm xúc, nhận thức cao hơn hẳn học sinh nam. Học vấn cao nhất của cha/mẹ cũng ảnh hưởng đến mức độ thấu cảm nhận thức của học sinh trong đó những nhóm học sinh có cha mẹ với học vấn cao cao hơn ghi nhận sự thấu cảm nhận thức tốt hơn khi so sánh hai nhóm mẫu nam và nữ riêng biệt. Có mối tương quan thuận giữa số lượng trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu đối với mức độ thấu cảm và thấu cảm nhận thức ở học sinh trung học phổ thông, điều này thể hiện rõ ràng hơn ở học sinh nữ.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định: thứ nhất, nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát học sinh thông qua các bản hỏi tự thuật, để khẳng định thêm kết quả nghiên cứu cần kết hợp với các phương pháp khác như quan sát hay phỏng vấn giáo viên và cha mẹ. Ngoài ra, mặc dù sự khác biệt về địa bàn, giới tính, học lực và nghề nghiệp của cha mẹ được xác định song nghiên cứu chưa đi sâu tìm hiểu rõ những yếu tố nào ảnh hưởng đến sự khác biệt này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thị Thu Huyền, 2019. Năng lực thấu cảm của học sinh trung học cơ sở thành phố Hà Nội. *Tạp chí Tâm lý học Xã hội*, số 8.
- [2] Bùi Thị Thu Huyền, 2021. *Hành vi gây hấn và kỹ năng tự chủ cảm xúc của học sinh trung học cơ sở*. Nxb Đại học Quốc gia.
- [3] Dương Diệu Hoa, Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Kế Hào, Phan Trọng Ngo, Đỗ Thị Hạnh Phúc, 2008. *Giáo trình Tâm lý học phát triển*. Nxb Đại học Sư Phạm. Hà Nội.
- [4] Kim Xuân Loan, 2016. *Đa trải nghiệm bất lợi thời thơ ấu: Tỷ lệ mắc và mối liên quan đến hành vi tiêm chích ma túy nguy cơ cao và chất lượng cuộc sống ở những người đang điều trị Methadone*. Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] American Psychiatric Association., 1987. *Diagnostic and statistical manual of mental disorders* (3rd ed., rev). Washington, DC.
- [6] Bellis, M., Hughes, K., Leckenby, N., Jones, L., Baban, A., Kachaeva, M., ... & Terzic, N., 2014. Adverse childhood experiences and associations with health-harming behaviors in young adults: surveys in eight eastern European countries. *Bulletin of the World Health Organization*, 92, 641-65
- [7] Benedetti, M. G., Ceccarelli, F., Berti, L., Luciani, D., Catani, F., Boschi, M., & Giannini, S., 2011. Diagnosis of flexible flatfoot in children: a systematic clinical approach. *Orthopedics*, 34(2).
- [8] Cohen, D., & Strayer, J., 1996. Empathy in conduct-disordered and comparison youth. *Developmental Psychology*, 32, 988–998.
- [9] Couillard, S., Benkerrou, M., Girot, R., Brousse, V., Ferster, A., & Bader-Meunier, B., 2007. *Steroid treatment in children with sickle-cell disease*. *Haematologica*, 92(3), 425-426.
- [10] Chakrabarti, B., & Baron-Cohen, S., 2006. Empathizing: neurocognitive developmental mechanisms and individual differences. *Progress in brain research*, 156, 403-417.
- [11] De Wied, M., Branje, S. J., & Meeus, W. H., 2007. Empathy and conflict resolution in friendship relations among adolescents. *Aggressive Behavior: Official Journal of the International Society for Research on Aggression*, 33(1), 48-55.
- [12] Delgado, M. R., Hirtz, D., Aisen, M., Ashwal, S., Fehlings, D. L., McLaughlin, J., ... & Vargus-Adams, J., 2010. Practice parameter: pharmacologic treatment of spasticity in children and adolescents with cerebral palsy (an evidence-based review): report of the Quality Standards Subcommittee of the American Academy of Neurology and the Practice Committee of the Child Neurology Society. *Neurology*, 74(4), 336-343.
- [13] Dowda, M., Brown, W. H., McIver, K. L., Pfeiffer, K. A., O'Neill, J. R., Addy, C. L., & Pate, R. R., 2009. Policies and characteristics of the preschool environment and physical activity of young children. *Pediatrics*, 123(2), e261-e266.
- [14] Duan, C., & Kivlighan, D. M., Jr., 2002. Relationships among therapist pre-session mood, therapist empathy, and session evaluation. *Psychotherapy Research*, 12, 23–37.
- [15] Dube, S. R., Williamson, D. F., Thompson, T., Felitti, V. J., & Anda, R. F., 2004. Assessing the reliability of retrospective reports of adverse childhood experiences among adult HMO members attending a primary care clinic. *Child Abuse & Neglect*.
- [16] Duncan, R. D., 1999. Maltreatment by parents and peers: The relationship between child abuse, bully victimization, and psychological distress. *Child Maltreatment*, 4(1), 45-55.
- [17] Eisenberg, N., 2000. Emotion, regulation, and moral development. *Annual review of psychology*, 51(1), 665-697.

- [18] Fosse, G. K., & Holen, A., 2002. Childhood environment of adult psychiatric outpatients in Norway having been bullied in school. *Child Abuse & Neglect*, 26(2), 129-137.
- [19] Geng, Y., Xia, D., & Qin, B., 2012. The Basic Empathy Scale: A Chinese validation of a measure of empathy in adolescents. *Child Psychiatry & Human Development*, 43(4), 499-510.
- [20] Goleman, D., 1996. Emotional Intelligence: Why it can matter more than IQ. London: *Bloomsbury*.
- [21] Hoffman, M. L., & Levine, L. E., 1976. Early sex differences in empathy. *Developmental Psychology*, 12(6), 557-558.
- [22] Jolliffe, D., & Farrington, D. P., 2006. Development and validation of the Basic Empathy Scale. *Journal of Adolescence*, 29(4), 589-611.
- [23] Lucas, S., Jernbro, C., Tindberg, Y., & Janson, S., 2016. Bully, bullied and abused. Associations between violence at home and bullying in childhood. *Scandinavian journal of public health*, 44(1), 27-35
- [24] Locher, S. C., Barenblatt, L., Fourie, M. M., Stein, D. J., & Gobodo-Madikizela, P., 2014. Empathy and childhood maltreatment: A mixed-methods investigation. *Annals of Clinical Psychiatry*, 26(2), 97-110.
- [25] Marshall, W. L., Hudson, S. M., Jones, R., & Fernandez, Y. M., 1995. Empathy in sex offenders. *Clinical Psychology Review*, 15(2), 99-113.
- [26] Mehrabian, A., & Epstein, N., 1972. A measure of emotional empathy. *Journal of Personality*.
- [27] Meuwese, R., Crone, E. A., de Rooij, M., & Güroğlu, B., 2015. Development of equity preferences in boys and girls across adolescence. *Child Development*, 86(1), 145-158
- [28] Michalska, K. J., Kinzler, K. D., & Decety, J., 2013. Age-related sex differences in explicit measures of empathy do not predict brain responses across childhood and adolescence. *Developmental Cognitive Neuroscience*, 3, 22-32.
- [29] Narvey, C., Yang, J., Wolff, K. T., Baglivio, M., & Piquero, A. R., 2021. The interrelationship between empathy and adverse childhood experiences and their impact on juvenile recidivism. *Youth Violence and Juvenile Justice*, 19(1), 45-67
- [30] Nawrocki, B., 2020. The Correlation Between Complex Childhood Trauma and Adult Empathy Outcomes. *Psychology Student Research Journal California State University*, 5.
- [31] Ramiro, P., Navarro, J. I., Menacho, I., & Aguilar, M., 2010. Estilo cognitivo reflexividad-impulsividad en escolares con alto nivel intelectual: reflexivity-impulsivity among school children with high intellectual level. *Revista Latinoamericana de Psicología*, 42(2), 193-202.
- [32] Rogers, C. R., 1959. A theory of therapy, personality, and interpersonal relationships: As developed in the client-centered framework (Vol. 3, pp. 184-256). New York: McGraw-Hill.
- [33] Soenens, B., Duriez, B., Vansteenkiste, M., & Goossens, L., 2007. The intergenerational transmission of empathy-related responding in adolescence: The role of maternal support. *Personality and Social Psychology Bulletin*, 33(3), 299-311.
- [34] Straker, G., & Jacobson, R. S., 1981. Aggression, emotional maladjustment, and empathy in the abused child. *Developmental Psychology*, 17(6), 762.
- [35] Tietjen, G. E., Khubchandani, J., Herial, N. A., & Shah, K., 2012. Adverse childhood experiences are associated with migraine and vascular biomarkers. *Headache: The Journal of Head and Face Pain*, 52(6), 920-929.
- [36] Tran, Q. A., Dunne, M. P., Vo, T. V., & Luu, N. H., 2015. Adverse childhood experiences and the health of university students in eight provinces of Vietnam. *Asia Pacific Journal of Public Health*, 27(8_suppl), 26S-32S.

- [37] Triandis, H. C., Bontempo, R., Villareal, M. J., Asai, M., & Lucca, N., 1988. Individualism and collectivism: Cross-cultural perspectives on self-ingroup relationships. *Journal of Personality and Social Psychology*, 54(2), 323.
- [38] Soenens, B., Duriez, B., Vansteenkiste, M., and Goossens, L., 2007. The intergenerational transmission of empathy-related responding in adolescence: the role of maternal support. *Pers. Soc. Psychol. Bull.* 33, 299–311.

ABSTRACT

Adverse childhood experiences and the empathy in high school students

Chu Ngọc Diệp¹, Phạm Nam Anh² and Bui Thi Thu Huyen^{3*}

¹K70B - Faculty of Psychology and Education, Hanoi National University of Education

²K70A - Faculty of Psychology and Education, Hanoi National University of Education

³Faculty of Psychology and Education, Hanoi National University of Education

This study was conducted on 1070 high school students in Hanoi to find out the current situation of adverse childhood experiences, empathy, and the relationship between these two variables. The study also looked into the impact of the demographic characteristics such as gender, age, parent's occupation, parents' educational level, and living area on the level of empathy and adverse childhood experiences in high school students. By using two instruments including the Adverse Childhood Experiences International Questionnaire, the World Health Organization, 2020, and the Basic Empathy scale (Jolliffe và Farrington, 2006), results revealed that high school students experienced adverse childhood experiences at a low level. The most common types of adverse childhood experiences were emotional neglect, having family members being treated violently, having one or no parents, parental separation, or divorce. Most of the adverse childhood experiences happened in the family. Demographic factors also influence the extent to which some types of adverse experiences are experienced. In general, 4 groups of adverse childhood experiences positively correlated together. High school students had an average level of empathy, in which the score of cognitive empathy was higher than that of affective empathy. Girls have higher scores of overall empathy than boys did. There was a positive correlation between empathy and cognitive empathy with the number of adverse childhood experiences in high school students. Explanation of results and limitations of the current studies were also discussed.

Keywords: adverse childhood experiences, empathy, high school students.